

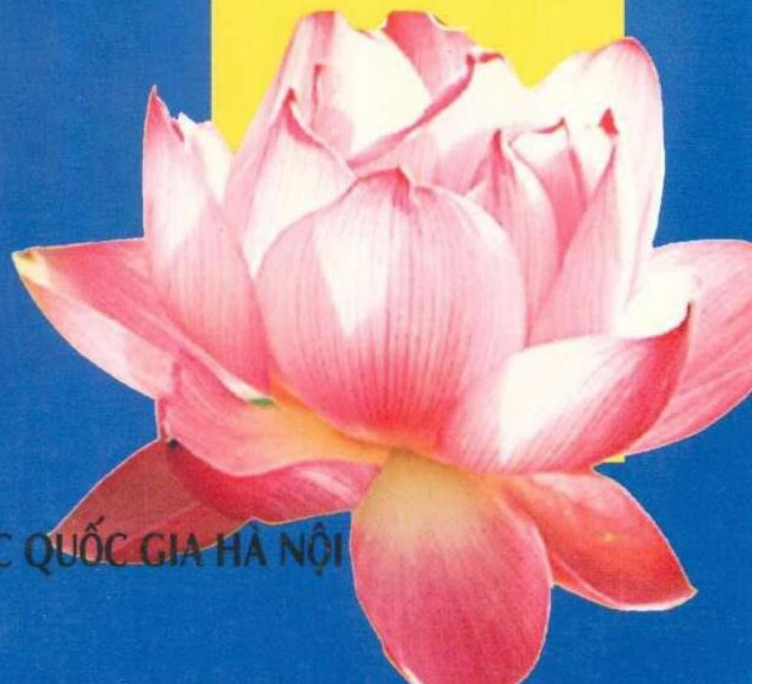
NGUYỄN THỰC PHƯƠNG

Học tốt

NGỮ VĂN

(Theo chương trình mới)

12
TẬP 2



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

NGUYỄN THỰC PHƯƠNG

Học tốt

NGỮ VĂN 12

TẬP HAI

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

LỜI NÓI ĐẦU

Các bạn học sinh lớp 12 thân mến!

Năm học 2008 - 2009 là năm thay sách cuối cùng để hoàn chỉnh bộ sách giáo khoa ở phổ thông. Sách *Ngữ văn 12* cũng được biên soạn theo hướng đổi mới với nhiều bài mục mới lần đầu tiên được đưa vào chương trình, kể cả Văn, Tiếng Việt, Làm văn. Sách giáo khoa đổi mới đòi hỏi phải có phương pháp học tập mới, không chỉ để thu nhận kiến thức, mà quan trọng hơn, là để vận dụng kiến thức vào bài tập một cách thuần thục và sáng tạo. Đây là hướng đổi mới quan trọng để nâng cao *chất lượng thực* của việc dạy - học Ngữ văn trong nhà trường hiện nay.

Vì những lí do nói trên, chúng tôi biên soạn bộ sách *Học tốt Ngữ văn 12* (tập một & tập hai) nhằm giúp các bạn có được một phương pháp học tập phù hợp nhất trong điều kiện thực tế của mình. Tư tưởng của cuốn sách là *tự học*, tôn trọng người học, không áp đặt mà cố gắng gợi mở những vấn đề cơ bản nhất của nội dung bài học và chỉ ra những cách thức học tập có hiệu quả thiết thực để người học suy nghĩ vận dụng. Sách được biên soạn theo đúng trình tự các bài trong *Ngữ văn 12* (tập một & tập hai).

Tập một gồm 18 tuần, tập hai gồm 17 tuần.

Cấu trúc các đơn vị bài học như sau:

VĂN: gồm hai phần:

- Đọc - hiểu văn bản: *tác giả, tác phẩm* (tìm hiểu các vấn đề cơ bản).
- Luyện tập: *nhiều dạng bài tập* (hướng dẫn cách giải).

TIẾNG VIỆT & LÀM VĂN: gồm hai phần:

- Kiến thức cần nhớ: *hướng dẫn người học tự tìm ra kiến thức mới.*
- Thực hành luyện tập: *nhiều dạng bài tập* (củng cố kiến thức và vận dụng kiến thức một cách thông minh, sáng tạo).

Hi vọng cuốn sách sẽ là người bạn đồng hành, giúp ích thiết thực cho việc học môn Ngữ văn 12 của các bạn.

Hà Nội, ngày 30 tháng 4 năm 2008

Tác giả

• **Vợ chồng A Phủ**

• **Viết bài làm văn số 5: Nghị luận văn học**

VỢ CHỒNG A PHỦ

Tô Hoài

I. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN

A. Tác giả

Xem SGK. Về nhà văn Tô Hoài, cần chú ý những điểm sau đây:

- Tô Hoài là một trong những nhà văn lớn có nhiều đóng góp cho nền văn học hiện đại Việt Nam, với số lượng tác phẩm đạt kỉ lục gần 200 đầu sách thuộc nhiều thể loại khác nhau: truyện ngắn, truyện dài kì, tiểu thuyết, kí, hồi kí, tự truyện, tiểu luận và kinh nghiệm sáng tác - chủ yếu bằng con đường tự học và cần mẫn sáng tác trong hơn sáu mươi năm lao động nghệ thuật bền bỉ, liên tục và sáng tạo.

- Tô Hoài có vốn hiểu biết đặc biệt phong phú, sâu sắc về những nét riêng trong phong tục, tập quán của nhiều vùng khác nhau trên đất nước ta. Ông cũng là nhà văn luôn hấp dẫn người đọc bởi lối trần thuật hóm hỉnh, sinh động của người từng trải, với vốn từ vựng giàu có - nhiều khi rất bình dân và thông tục - nhưng nhờ cách sử dụng đặc địa và tài ba nên có sức lôi cuốn, lay động người đọc mạnh mẽ.

- Sáng tác của Tô Hoài thiên về diễn tả những sự thật của đời thường. Theo ông: "Viết văn là một quá trình đấu tranh để nói ra sự thật. Đã là sự thật thì không tầm thường, cho dù phải đập vỡ những thần tượng trong lòng người đọc". (Tô Hoài trả lời phỏng vấn của báo *An ninh Thế giới*, ngày 29 - 7 - 2007). Đó là một quan niệm mới mẻ, tiến bộ của nhà văn.

- Năm 1996, ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

B. Tác phẩm

• **Xuất xứ**

Truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ* (1952) là thành quả nghệ thuật tốt đẹp của Tô Hoài sau tám tháng đi thực tế ở vùng núi Tây Bắc, cùng

sống với những người dân đã “đề thương, đề nhớ” cho nhà văn, thôi thúc ông phải viết một cái gì để “trả món nợ lòng cho những con người mà ông yêu mến nhất”. *Vợ chồng A Phủ* đã ra đời cùng với tập *Truyện Tây Bắc* (1954) của Tô Hoài được tặng giải Nhất - Giải thưởng Hội Văn nghệ Việt Nam 1954 - 1955. Sau hơn nửa thế kỉ, đến nay *Vợ chồng A Phủ* vẫn giữ nguyên vẹn giá trị và sức thu hút đối với nhiều thế hệ người đọc.

• *Đọc văn bản*

Truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ* gồm hai phần kể lại hai quãng đời của đôi vợ chồng người H'Mông ở vùng núi cao Tây Bắc nước ta trong thời gian kháng chiến chống Pháp: quãng đời ở Hồng Ngài trong nhà thống lí Pá Tra (*bóng tối*) và quãng đời ở Phiêng Sa khi họ đã trở thành những con người mới của chế độ mới (*ánh sáng*).

Văn bản trong SGK thuộc phần I. Cách đọc như sau:

- Đọc lần đầu toàn bộ văn bản để nắm được cốt truyện và diễn biến truyện, sơ bộ cảm nhận được số phận bi thảm và cuộc sống khổ nhục, bị áp bức, bóc lột thậm tệ của hai nhân vật Mị và A Phủ trong nhà thống lí Pá Tra.

- Sau đó, đọc kĩ các đoạn quan trọng để suy ngẫm sâu hơn về hai nhân vật đó, đặc biệt là nhân vật Mị:

+ Đoạn kể về đêm tình mùa xuân, Mị muốn đi chơi bị A Sử trói đứng trong buồng.

+ Đoạn kể về A Phủ bị trói đứng chờ chết ở cọc dây mây, được Mị cắt dây trói cứu sống, và hai người đi nhau cùng trốn thoát khỏi Hồng Ngài.

• *Tìm hiểu tác phẩm*

1. *Số phận và tính cách nhân vật Mị*

a) Cảnh ngộ bị bắt về làm dâu gặt nợ, cuộc sống bị dày dạn tủ cực ở nhà thống lí Pá Tra.

- Lúc nào cũng vậy, dù làm gì, Mị cũng cúi mặt, mặt buồn rười rượi.

- Cuộc sống của Mị như con rùa lùi lùi ở xó cửa.

- Hình ảnh gậy ấn tượng sâu đậm nhất về số phận bi đát, cuộc đời bị giam hãm của Mị là cái cửa sổ lỗ vuông bằng bàn tay mờ mờ trắng trắng ở buồng Mị, trông ra không biết là sương hay nắng, và Mị nghĩ mình sẽ ngồi ở đấy nhìn ra “cái cửa sổ cuộc đời” ấy cho đến khi nào chết thì thôi.

- Mị phải làm việc quần quật từ sáng đến tối không bằng con trâu, con ngựa còn có lúc được gãi chân, nhai cỏ; lại còn bị đánh đập dã man, bị trói đứng trong buồng.

- Nhà thống lí Pá Tra là cái địa ngục trần gian đã vùi dập Mị, giam hãm, trói buộc Mị, làm cho Mị khô héo dần, giết chết cả tuổi thanh xuân của cô gái trẻ đẹp, thối sáo giỏi, biết bao nhiêu người mê đi theo Mị, đến đứng nhẵn vách cửa buồng Mị.

- Mị là con dâu gạt nợ của nhà thống lí Pá Tra, là nô lệ không công, là "công cụ biết nói" trong cái địa ngục trần gian ở Hồng Ngai - đó là số phận bi thảm, cay đắng, xót xa của một con người bị áp bức, bóc lột thậm tệ dưới chế độ phong kiến khắc nghiệt và tàn bạo trên vùng núi cao.

b) Diễn biến tâm trạng và hành động của Mị

Cuộc sống bị chà đạp tui cực như vậy không làm mất đi sức sống của Mị. Sức sống ấy vẫn tiềm tàng trong lòng cô gái trẻ, giống như một vạc than hồng vẫn âm ỉ cháy, chỉ chờ một cơn gió thổi đến là bùng lên thành ngọn lửa sáng. Ngọn lửa ấy đã cháy sáng lên trong đêm tình mùa xuân phơi phới, Mị muốn đi chơi xuân và cô đã quyết định đi chơi xuân. Kí ức tuổi thanh xuân trời dậy mãnh liệt, Mị khao khát được sống lại với tuổi trẻ, tình yêu, hạnh phúc của mình trong tiếng sáo bồi hồi gọi bạn tình đang lơ lửng đầu làng. Mị đang tìm lại mình, tìm lại những gì đã bị mất đi trong những tháng năm bị dày dạn. Đến cả khi đã bị A Sử trói đứng trong buồng, thì tiếng sáo vẫn dập dờn trong đầu Mị, ước mơ vẫn ngùn ngụt cháy trong lòng Mị. Mới biết sức sống tiềm tàng của Mị mãnh liệt biết chừng nào trong hành động dám đi chơi xuân, bất chấp cả luật lệ hà khắc của nhà thống lí Pá Tra đối với đàn bà, con gái, dâu con trong nhà.

Sau đêm tình mùa xuân bị trói đứng trong buồng, cuộc sống của Mị càng bị o ép, trói buộc hơn. Những đêm mùa đông dài trên miền núi cao, Mị chỉ còn biết thức với ngọn lửa, sống với ngọn lửa trong tâm trạng cô đơn, buồn tủi cho số kiếp của mình. Cứ tưởng cô gái ấy hoặc đã cúi đầu cam chịu, hoặc đã buông xuôi cho số phận cuộc đời... Nhưng tình thương đã trỗi dậy trong cô và tình thương đó đã thúc giục cô hành động để cứu người, và sau đó là tự cứu mình. Qua nhiều đêm nhìn thấy A Phủ bị trói đứng chờ chết trên cọc dây mây, Mị vẫn đứng đung như không. Nhưng đến cái đêm cuối cùng đáng ghi nhớ ấy, khi nhìn thấy những dòng nước mắt chảy trên gò má xám đen của A Phủ

thì trong lòng Mị bỗng có sự đổi khác. Dòng nước mắt ấy gợi nhớ dòng nước mắt của Mị khi bị trói đứng trong buồng năm trước. Tình thương gợi tình thương. Mị không thấy sợ, đã lấy dao cắt dây trói cho A Phủ và thúc giục A Phủ chạy đi. Nhưng đứng lặng trong bóng tối một lúc, Mị lại vụt chạy theo A Phủ, và hai người cùng trốn khỏi Hồng Ngài. Hành động cắt dây trói cứu A Phủ và cùng A Phủ trốn khỏi Hồng Ngài là bước ngoặt quyết định để đổi đời Mị, như có người đã nói: “Khi Mị cắt dây trói cứu A Phủ cũng là lúc Mị cắt sợi dây trói buộc đời mình với nhà thống lí Pá Tra”. (Để dạy tốt Văn lớp 12). Ở đây, cắt dây trói cho A Phủ là hành động *cứu người*, xuất phát từ tình thương và sự đồng cảm giai cấp; còn chạy theo A Phủ để trốn khỏi Hồng Ngài là hành động *tự cứu mình* mang ý nghĩa tự giải thoát, theo đúng quy luật “tức nước vỡ bờ”, có áp bức có đấu tranh. Đây là quá trình vùng lên tự phát để đổi đời của Mị, để sau đó, sẽ là quá trình vùng lên tự giác khi Mị đã tiếp nhận được ánh sáng của cách mạng ở khu du kích Phiêng Sa.

2. Tính cách nhân vật A Phủ

Tác giả cho A Phủ xuất hiện đột ngột trong cuộc đánh nhau với A Sử, rồi bị bắt, bị trói, bị đánh đập tàn bạo trong cuộc xử kiện lạ lùng, sau đó mới kể về lai lịch của nhân vật. Qua đó, người đọc có một ấn tượng khá đậm nét về tính cách của nhân vật: đó là một chàng trai cứng cỏi, mạnh mẽ, gan bướng, năng nổ hoạt động. Tính cách đó được thể hiện qua các sự việc sau:

- Trong trận đánh nhau với A Sử: “Một người to lớn chạy vụt ra vung tay ném con quay rất to vào mặt A Sử. Con quay gỗ ngát lảng vào giữa mặt. Nó vừa kịp bung tay lên, A Phủ đã xộc tới, nắm cái vòng cổ, kéo dập đầu xuống, xé vai áo, đánh tới tấp”. Thật là mạnh mẽ, dữ dội, hạ gục ngay đối thủ.

- Giữa những trận mưa dòn trong cuộc xử kiện: A Phủ gan góc không hề kêu rên, “im như cái tượng đá”, mặc dù “mặt sưng lên, môi và đuôi mắt dập chảy máu”, “hai cái đầu gối sưng bạnh lên như mặt hổ phù”.

- Khi về làm công gạt nợ cho nhà thống lí Pá Tra: Đốt rừng, cày nương, cuốc nương, săn bò tót, bẫy hổ, chăn bò, chăn ngựa, quanh năm một thân một mình bôn ba rong ruổi ngoài gò ngoài rừng, “cái gì cũng làm phẳng phẳng”. Nhưng vẫn là một A Phủ cứng cỏi, gan bướng ngay cả khi đánh mất bò, đối diện với Pá Tra, vẫn tự tin ở sức mình “Tôi

về lấy súng, thế nào cũng bắn được con hổ này to lắm”; “Cho tôi đi. Được con hổ ấy còn nhiều tiền hơn con bò”.

Là một chàng trai nghèo miền núi, sống tự lập, lao động giỏi và khỏe mạnh, ham thích những công việc nặng nhọc và mạo hiểm (bẫy hổ, săn bò tót) có tính cách cứng cỏi, mạnh mẽ vậy mà A Phủ vẫn không thoát khỏi số phận nô lệ như Mị ở nhà thống lí Pá Tra - một số phận thê thảm mà cái chết đang đến dần trên cọc dây mây oan nghiệt, nếu không được người cùng cảnh ngộ cứu thoát khỏi cái địa ngục trần gian này.

3. Đặc sắc nghệ thuật của Tô Hoài trong truyện ngắn “Vợ chồng A Phủ”

- Nhân vật được khắc họa sinh động và có cá tính rõ nét (đặc biệt là Mị). Mị và A Phủ có số phận giống nhau nhưng tính cách khác nhau và được tác giả thể hiện bằng những thủ pháp thích hợp. (Xem phần phân tích hai nhân vật trong mục 1 và 2 ở trên).

- Ngôi bút tả cảnh của Tô Hoài vô cùng đặc sắc. Cảnh miền núi hiện ra với những nét sinh hoạt, phong tục riêng. (Đoạn tả cảnh xử kiện, cảnh mùa xuân, ngày Tết trên vùng núi cao, đặc biệt đoạn tả tiếng sáo gọi bạn tình lừng lơ bay ngoài đường rất thơ mộng, trữ tình,...).

- Nghệ thuật kể chuyện thành công với cách dẫn truyện khéo, mạch truyện diễn biến liên tục, hấp dẫn.

- Ngôn ngữ của Tô Hoài sinh động, chọn lọc và sáng tạo với lối văn giàu tính tạo hình.

Lưu ý, anh (chị) đọc kĩ phần Ghi nhớ để nắm vững bài học.

II. LUYỆN TẬP

Hướng dẫn giải bài tập trong SGK:

Bài tập yêu cầu phát biểu ý kiến về giá trị nhân đạo của tác phẩm qua số phận hai nhân vật Mị và A Phủ. Anh (chị) cần hướng tới những vấn đề sau đây của hai nhân vật để tổng hợp, khái quát thành giá trị nhân đạo của tác phẩm:

- Số phận bị dày dạn tủi cực của Mị và A Phủ → gợi lên niềm thương cảm, xót đau trong người đọc. (Hình ảnh cái cửa sổ lỗ vuông trong buồng Mị; Mị bị trói đứng trong buồng; A Phủ bị trói trên cọc dây mây để chờ chết).

- Cuộc sống nội tâm, ước mơ khao khát mang ý nghĩa nhân văn:
 - + Sức sống tiềm tàng, ước mơ được sống lại với tuổi trẻ, tình yêu, hạnh phúc của Mị.
 - + Muốn sống một cuộc sống tự do, dám đánh lại con nhà quan để bảo vệ cho bạn trai làng của A Phủ.
- Tình thương giai cấp và sự vùng lên để tự giải thoát của hai con người khốn khổ.

VIẾT BÀI LÀM VĂN SỐ 5: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

I. CÁCH VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM, MỘT ĐOẠN TRÍCH VĂN XUÔI

Đề 1. Phân tích truyện ngắn *Tinh thần thể dục* của Nguyễn Công Hoan.

a) *Gợi ý tìm hiểu đề, định hướng bài viết*

Anh (chị) đọc lại truyện ngắn này trong *Ngữ văn 11*, tập một, trang 172 - 177 và suy nghĩ về những phương diện sau đây:

- Đặc sắc của kết cấu truyện - sự giống nhau và khác nhau giữa các sự việc (các cảnh) trong truyện. Tác giả kết cấu truyện bằng một chuỗi sự việc (cảnh bắt người đi xem đá bóng) nhằm nói lên điều gì?

- Mâu thuẫn và tính chất trào phúng của truyện thể hiện ở những mặt nào?

- Đặc điểm ngôn ngữ của truyện (Ngôn ngữ người kể chuyện và ngôn ngữ các nhân vật có điểm gì đặc sắc?).

- Mục đích viết truyện ngắn này của Nguyễn Công Hoan? Từ đó khái quát về giá trị hiện thực, ý nghĩa phê phán và giá trị nghệ thuật của truyện.

b) *Gợi ý lập dàn bài*

- Mở bài: Giới thiệu ngắn gọn về nhà văn Nguyễn Công Hoan và truyện ngắn *Tinh thần thể dục*.

- Thân bài: Điểm chung và nét riêng của các cảnh bắt người đi xem đá bóng:

+ Cảnh anh Mịch nhận nợ với ông Lí.

+ Cảnh bác Phô gái phân trần với ông Lí.

- + Cảnh bà cụ phó Bính xin ông Lí cho thằng Sang đi thay con.
- + Cảnh thằng Cò cùng đứa con trốn vào đồng rơm bị người tuần phát hiện.
- + Cuối cùng là cảnh ông Lí và tuần áp giải 94 người xếp hàng đi lên huyện.

Phân tích mâu thuẫn giữa hình thức và thực chất của cái gọi là “tinh thần thể dục” trong truyện ngắn này, từ đó nêu lên nghệ thuật trào phúng của truyện.

- Kết bài: Đánh giá chung về truyện ngắn *Tinh thần thể dục*.

Đề 2. Nhận xét về giọng văn và nghệ thuật sử dụng ngôn từ trong truyện *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân (có so sánh với chương *Hạnh phúc của một tang gia* trong *Số đỏ* của Vũ Trọng Phụng).

Đề bài này thuộc dạng nhận xét về một vấn đề (một mặt) nào đó của tác phẩm truyện (ở đây, là *nghệ thuật sử dụng ngôn từ*, một nét đặc sắc trong nghệ thuật viết truyện ngắn của Nguyễn Tuân qua tác phẩm *Chữ người tử tù*, có kết hợp so sánh với nghệ thuật sử dụng ngôn từ của Vũ Trọng Phụng trong chương *Hạnh phúc của một tang gia*, trích tiểu thuyết *Số đỏ*).

Anh (chị) dựa vào hướng dẫn trong sách giáo khoa để tìm hiểu đề và lập dàn ý cho bài làm.

II. LUYỆN TẬP

Đòn châm biếm, đả kích trong truyện ngắn “*Vi hành*” của Nguyễn Ái Quốc.

Gợi ý:

- Đọc lại văn bản truyện ngắn “*Vi hành*” trong *Ngữ văn 11*, tập một, trang 168 - 171.
- Xem lại bài học về tác phẩm này đã học năm lớp 11.
- Chú ý: đòn châm biếm, đả kích chủ yếu ở chỗ tác giả đã hư cấu, sáng tạo ra một cuộc nhăm lẩn để có cơ hội đả kích mạnh mẽ kẻ thù.